

Bản tin Phân tích kỹ thuật

18/08/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G8000 hồi phục sau khi tiếp cận vùng 1.865 điểm. Cuối ngày, hợp đồng đóng cửa trên đường MA20 cho thấy đà giảm đã suy yếu và giai đoạn hồi phục có thể được kéo dài về khu vực 1.880 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.870 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.873 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.880 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.870 điểm

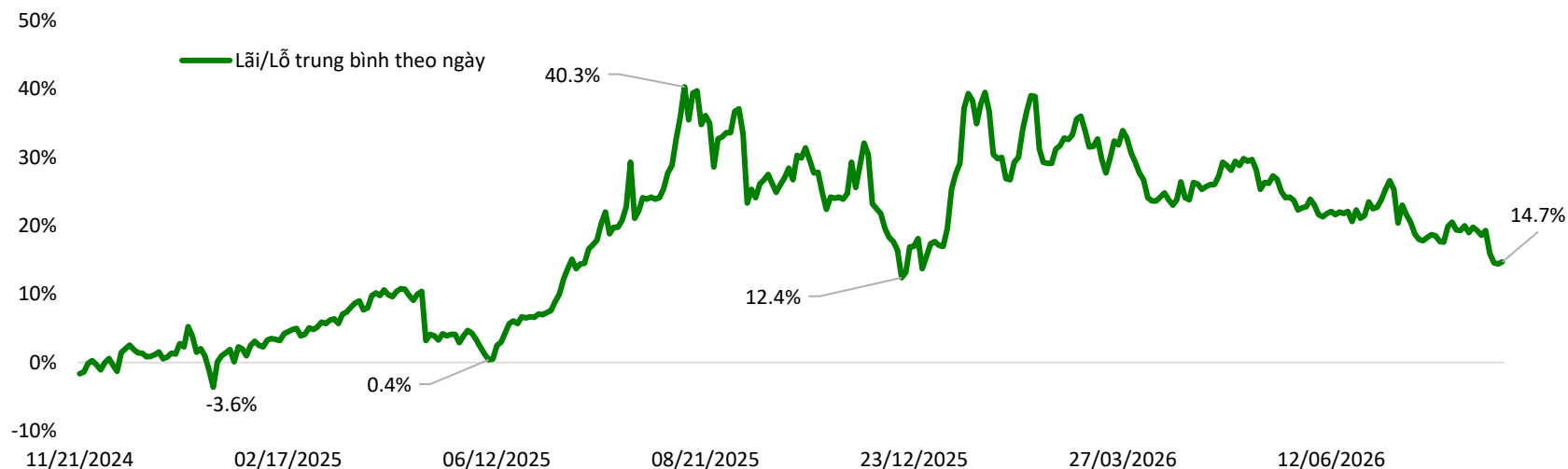
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index thu hẹp phần lớn đà tăng sau khi tiếp cận vùng kháng cự 1.750 điểm. Thanh khoản duy trì ở mức thấp cho thấy nhịp tăng đầu phiên chưa được hỗ trợ mạnh bởi lực cầu chủ động, trong khi áp lực bán trong ngày cũng được tiết chế. So với phiên 17/08, hoạt động mua có độ lan tỏa tốt hơn tại nhóm Năng lượng, Vật liệu, Dầu khí và Công nghệ. Ngược lại, nhóm Chứng khoán ghi nhận áp lực bán ở mức cao.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index thoái lui từ khu vực 1.750 điểm, cho thấy tín hiệu điều chỉnh ngắn hạn chưa được phủ nhận. Đây vẫn là vùng kháng cự quan trọng đối với khả năng đảo chiều xu hướng ngắn hạn. Nếu chỉ số tiếp tục thất bại tại khu vực này và áp lực bán gia tăng trong phiên 19/08, rủi ro kéo dài nhịp điều chỉnh về vùng 1.700–1.650 điểm sẽ mở rộng.
- Đánh giá khả năng đảo chiều, lực cung trong hai phiên gần đây duy trì ở mức thấp, trong khi lực cầu dù chưa lan tỏa rõ trên diện rộng nhưng đã có tín hiệu cải thiện theo ngành. Do đó, xác suất VN-Index đảo chiều xu hướng ngắn hạn từ điều chỉnh sang tăng đang được củng cố.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
GMD	31/07/2026		Đang mở	79,500	75,000	6.0%	72,000	85,000	75,000	
NVL	05/08/2026		Đang mở	13,200	13,450	-1.9%	12,600	15,300		
MBB	13/08/2026		Đang mở	19,950	20,300	-1.7%	20,000	22,000	19,800	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	200,000	1.01%	-4.08%	1,552,437	2.397	2,920	9.2	68.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GAS	83,500	5.56%	7.74%	201,481	1.713	5,269	2.9	15.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VHM	69,200	1.47%	-4.02%	568,466	1.274	9,718	2.2	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
TCB	30,850	-2.99%	-0.48%	218,611	-0.998	3,829	1.2	8.1	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	27,200	4.62%	4.41%	136,199	0.961	3,933	1.8	6.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PLX	37,950	6.90%	3.69%	48,219	0.509	2,535	1.9	15.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
GVR	32,000	2.07%	1.91%	128,000	0.406	1,783	2.1	18.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
LPB	50,000	-1.77%	-6.89%	149,364	-0.404	3,780	3.5	13.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
STB	75,200	1.35%	1.21%	141,768	0.292	1,634	2.3	46.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DMX	83,000	-1.77%	-1.33%	105,221	-0.285	5,212	5.9	15.9	Tích cực			
TCX	39,800	1.53%	-2.45%	110,423	0.258	2,237	2.4	17.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,000	-0.94%	-4.76%	177,302	-0.256	2,750	1.3	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	58,000	-0.34%	-3.01%	484,629	-0.255	4,984	2.0	11.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MCH	135,900	-0.73%	-0.07%	177,676	-0.198	5,430	9.5	25.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	24,900	0.61%	-2.35%	197,555	0.183	3,758	1.1	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	144,400	6.18%	-6.66%	55,594	5.171	396	11.0	365.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	118,800	-3.65%	-3.18%	35,640	-1.959	11,736	5.4	10.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	11,400	3.64%	1.79%	33,341	1.826	145	2.3	78.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	35,700	3.48%	2.00%	18,258	0.956	4,107	1.2	8.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SHS	14,700	-3.29%	-7.55%	13,222	-0.655	1,119	1.1	13.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MBS	17,100	-1.72%	-3.82%	17,116	-0.444	1,828	1.4	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTI	20,900	-9.91%	13.59%	2,520	-0.376	2,212	0.9	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAB	10,600	-1.85%	-0.93%	12,217	-0.341	1,044	0.9	10.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NTP	51,900	1.96%	7.68%	10,652	0.315	5,810	2.5	8.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	79,000	-0.25%	-1.62%	71,083	-0.270	17,023	3.3	4.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

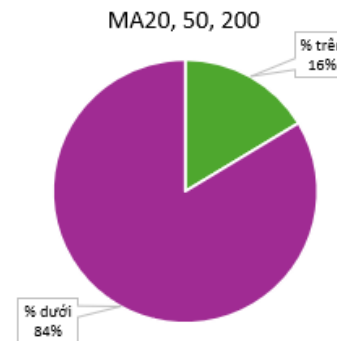
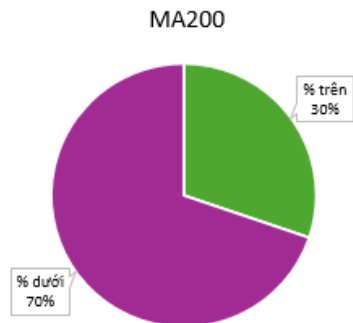
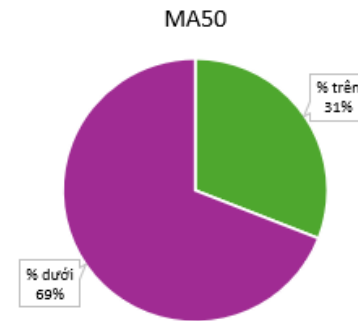
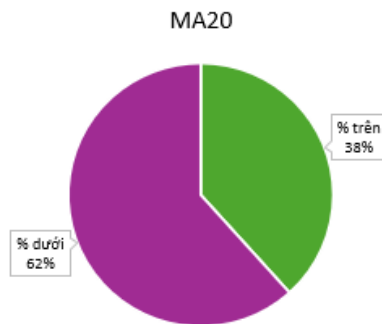
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	86,400	3.10%	-0.58%	263,128	0.830	4,019	7.0	21.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACV	41,100	1.23%	-0.72%	147,463	0.185	3,117	2.0	13.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MVN	65,600	-1.35%	11.19%	78,997	-0.109	2,296	5.1	28.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	64,500	2.06%	-2.57%	47,709	0.100	4,936	3.7	13.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CC1	41,500	-3.49%	9.21%	19,880	-0.071	588	4.4	71.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
VUA	14,500	-14.71%	-16.18%	2,900	-0.043	616	1.5	23.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PCB	10,200	-3.77%	0.00%	9,102	-0.035	1,710	0.7	5.9	Tích cực			
OIL	13,500	2.27%	0.75%	13,960	0.032	588	1.3	23.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNZ	610,000	-1.64%	1.67%	18,176	-0.030	15,830	19.8	38.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DNW	30,400	-7.88%	-2.88%	3,704	-0.030	2,775	1.5	11.1	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PHP	45,000	0.4%	11.1	8.4	29,808	44,800	2.2	12.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AIG	49,700	1.0%	7.1	1.8	37,030	49,200	1.5	8.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTF	20,900	0.7%	6.8	6.3	16,500	20,750	2.0	138.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SCL	25,000	2.0%	7.6	3.8	15,438	24,900	2.0	9.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
V68	17,900	0.0%	14.5	14.5	4,900	7,200	0.0	0.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPS	31,800	0.0%	52.7	52.7	36,855	56,000	2.5	38.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PAN	19,650	-1.8%	8.7	8.2	20,000	26,771	0.9	4.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VC3	24,600	-3.5%	33.7	33.3	24,800	29,200	2.2	47.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			18/08/2026	17/08/2026	14/08/2026	13/08/2026	12/08/2026	11/08/2026	10/08/2026	07/08/2026
VNINDEX	MA200	Trên	25%	25%	25%	25%	26%	25%	25%	23%
		Dưới	75%	75%	75%	75%	74%	75%	75%	77%
	MA50	Trên	30%	31%	31%	34%	35%	34%	36%	30%
		Dưới	70%	69%	69%	66%	65%	66%	64%	70%
	MA20	Trên	46%	52%	50%	57%	64%	62%	58%	45%
		Dưới	54%	48%	50%	43%	36%	38%	42%	55%
VN30	MA200	Trên	37%	33%	33%	37%	37%	33%	33%	37%
		Dưới	63%	67%	67%	63%	63%	67%	67%	63%
	MA50	Trên	30%	33%	37%	43%	53%	50%	50%	43%
		Dưới	70%	67%	63%	57%	47%	50%	50%	57%
	MA20	Trên	59%	60%	57%	77%	97%	90%	83%	63%
		Dưới	41%	40%	43%	23%	3%	10%	17%	37%
HNX	MA200	Trên	29%	29%	29%	29%	29%	29%	27%	27%
		Dưới	71%	71%	71%	71%	71%	71%	73%	73%
	MA50	Trên	31%	30%	30%	31%	28%	31%	30%	26%
		Dưới	69%	70%	70%	69%	72%	69%	70%	74%
	MA20	Trên	29%	29%	29%	29%	29%	29%	27%	27%
		Dưới	71%	71%	71%	71%	71%	71%	73%	73%
UPCOM	MA200	Trên	34%	35%	34%	34%	36%	34%	33%	32%
		Dưới	66%	65%	66%	66%	64%	66%	67%	68%
	MA50	Trên	32%	33%	34%	34%	35%	33%	33%	32%
		Dưới	68%	67%	66%	66%	65%	67%	67%	68%
	MA20	Trên	33%	34%	33%	33%	33%	34%	34%	33%
		Dưới	67%	66%	67%	67%	67%	66%	66%	67%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16	Tháng 8												Tháng 7							
	18	17	14	13	12	11	10	07	06	05	04	03	31	30	29	28	27	24	23	22
1 Bán lẻ	72	74	71	73	71	71	68	59	60	61	56	50	42	35	29	24	24	28	27	25
2 Tài nguyên Cơ bản	65	61	62	61	64	65	66	64	64	62	61	58	54	51	48	45	45	41	41	41
3 Hàng & Dịch vụ Côn...	58	52	49	51	53	52	48	39	36	36	35	32	29	29	24	22	23	24	25	26
4 Điện, nước & xăng d...	55	53	52	57	59	62	61	52	50	50	52	49	37	36	36	36	36	37	37	38
5 Truyền thông	54	54	37	61	64	64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6 Ô tô và phụ tùng	51	55	55	56	56	57	61	58	60	60	57	57	56	54	54	52	51	51	50	50
7 Thực phẩm và đồ ướ...	49	48	48	48	47	46	46	43	42	45	47	44	42	41	36	33	31	31	34	36
8 Xây dựng và Vật liệu	47	44	42	42	41	39	39	36	37	39	39	33	31	28	27	28	27	27	26	25
9 Ngân hàng	44	42	44	49	52	52	51	44	44	47	46	40	35	33	32	32	33	34	36	38
10 Hóa chất	44	41	41	44	46	47	47	41	34	36	36	31	30	28	24	24	24	23	23	24
11 Hàng cá nhân & Gia ...	41	42	39	34	33	35	31	24	25	26	28	27	23	21	17	16	16	17	16	15
12 Dầu khí	36	29	30	38	44	40	42	39	31	31	33	30	31	30	29	28	31	25	23	23
13 Du lịch và Giải trí	36	35	35	37	39	39	39	37	41	38	37	30	26	24	22	22	23	25	26	28
14 Bất động sản	33	29	28	30	33	32	32	31	33	34	32	29	27	26	22	20	21	21	20	21
15 Dịch vụ tài chính	32	31	31	35	37	38	36	31	33	37	35	31	34	30	28	25	30	35	35	34
16 Công nghệ Thông tin	30	28	27	30	44	46	46	40	44	46	42	30	23	20	18	17	16	17	17	16

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GAS	83,500	5.6%	7.7%	201,481	2.9	15.9	5,269	302.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
STB	75,200	1.3%	1.2%	141,768	2.3	46.0	1,634	355.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
BSR	27,200	4.6%	4.4%	136,199	1.8	6.9	3,933	559.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
HDB	26,950	0.4%	0.2%	134,892	1.6	6.9	3,897	226.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	62,100	-0.2%	0.2%	129,786	4.1	11.8	5,246	114.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	46,300	1.2%	1.4%	59,383	3.0	12.4	3,723	41.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	42,400	0.0%	7.9%	47,012	3.3	19.3	2,209	95.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	35,100	0.6%	0.3%	46,548	2.0	6.0	5,816	10.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
GMD	79,500	0.9%	2.7%	34,415	2.5	13.1	6,056	162.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBT	23,700	1.5%	11.3%	21,482	1.9	25.9	915	29.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	45,000	0.4%	7.1%	14,751	2.2	12.1	3,743	11.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	31,750	0.0%	2.3%	11,583	2.7	122.5	259	43.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	51,900	2.0%	7.7%	10,652	2.5	8.9	5,810	7.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	20,400	0.5%	3.6%	10,545	1.1	7.5	2,711	123.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTR	77,100	0.4%	2.1%	9,877	4.4	15.1	5,109	48.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
AIG	49,700	1.0%	5.7%	9,750	1.5	8.3	5,959	7.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	35,200	2.0%	0.0%	3,740	1.5	6.8	5,172	8.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TDP	31,300	2.0%	9.8%	2,933	2.3	21.0	1,489	9.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TRC	82,600	0.7%	3.6%	2,478	1.1	8.6	9,625	7.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTF	20,900	0.7%	1.5%	1,999	2.0	138.4	151	6.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
F88	65,200	-0.2%	-2.1%	15,115	5.1	15.0	4,365	12.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	13,200	0.8%	-3.6%	14,101	1.3	27.7	476	20.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAN	19,650	-1.8%	-5.5%	4,926	0.9	4.0	4,873	8.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,000	-0.9%	-4.8%	177,302	1.3	7.6	2,750	346.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	75,000	0.0%	-4.3%	134,498	3.0	45.1	1,662	40.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
POW	13,350	0.0%	-2.9%	40,956	1.0	6.4	2,098	61.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	45,350	-0.4%	-4.0%	28,248	1.3	10.7	4,239	9.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	27,050	0.0%	-4.1%	25,474	1.0	22.1	1,227	27.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	11,600	-0.4%	-2.9%	25,042	1.0	5.1	2,264	14.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	16,000	-0.9%	-5.3%	24,357	1.1	9.0	1,773	138.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	20,400	0.0%	-0.7%	8,390	1.3	7.1	2,861	18.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VC3	24,600	-3.5%	-4.3%	3,405	2.2	47.5	518	33.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCL	37,800	0.0%	-1.6%	2,761	1.8	-1,223.8	-31	26.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	16,300	-1.2%	-2.1%	1,918	0.8	8.7	1,873	8.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
QNS	45,400	-0.4%	-0.6%	16,731	1.6	8.6	5,267	11.0	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	24,900	0.6%	-2.4%	197,555	1.1	6.6	3,758	464.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	123,500	0.0%	-2.9%	94,983	3.6	43.6	2,830	160.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	11,600	-0.4%	-2.5%	61,987	0.8	4.5	2,579	592.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIB	14,400	0.7%	-2.7%	49,018	1.0	6.6	2,180	40.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	67,800	0.0%	-8.7%	43,426	5.4	12.2	5,561	87.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,590	1.18%	1.06%	25,500	200.4%	(337)	0.8	-25.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	17,700	-1.67%	-2.75%	42,600	136.7%	1,565	1.1	11.3	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	23,500	-1.05%	3.52%	45,800	92.8%	1,407	0.9	16.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	72,800	-0.95%	-0.55%	140,000	90.5%	6,666	3.0	10.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
HDC	11,650	-2.51%	-2.92%	21,400	79.1%	2,909	0.9	4.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HDG	16,050	-1.23%	-4.46%	28,700	76.6%	1,803	1.0	8.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,450	0.00%	-2.89%	23,100	71.7%	1,983	0.7	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	35,700	3.48%	2.00%	58,800	70.4%	4,107	1.2	8.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HPG	21,000	-0.94%	-4.76%	35,400	67.0%	2,750	1.3	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	30,700	0.49%	-2.54%	51,000	66.9%	4,945	1.4	6.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	40,300	0.00%	-1.71%	66,800	65.8%	3,173	2.2	12.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
GEX	24,900	1.43%	-5.68%	40,500	65.0%	1,048	1.7	23.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
DPG	30,250	0.33%	-1.31%	48,900	62.2%	3,441	1.2	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PTB	32,200	-0.92%	-3.30%	52,000	60.0%	5,856	0.9	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
CTG	31,550	0.16%	-2.32%	50,000	58.7%	5,172	1.2	6.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PLC	20,600	1.98%	1.98%	31,900	57.9%	1,738	1.2	11.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	19,950	0.25%	-1.97%	31,300	57.3%	3,241	1.4	6.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	32,900	-1.20%	-3.52%	51,200	53.8%	5,201	2.0	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPB	24,900	0.61%	-2.35%	38,000	53.5%	3,758	1.1	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	66,800	-0.15%	-0.45%	101,200	51.3%	4,635	2.4	14.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn